

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh nhiệm vụ Bộ Y tế giao lĩnh vực quản lý môi trường y tế từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 theo Quyết định số 1974/QĐ-BYT ngày 10/7/2024

VIỆN TRƯỞNG VIỆN Y HỌC BIỂN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định 4083/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 31/12/2024 về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Y học biển;

Căn cứ Quyết định 1974/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 10/7/2024 về việc phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao lĩnh vực quản lý môi trường y tế năm 2025 của Viện Y học biển;

Căn cứ quyết định số 251/QĐ-YHB của Viện trưởng Viện Y học biển ngày 27/02/2025 về việc phê duyệt kế hoạch, dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao lĩnh vực quản lý môi trường y tế từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 theo quyết định 1974/QĐ-BYT ngày 10/7/2024;

Căn cứ quyết định số 478/QĐ-YHB của Viện trưởng Viện Y học biển ngày 5/5/2025 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 về chi công tác phí, hội nghị, tập huấn;

Căn cứ biên bản họp thẩm định dự toán điều chỉnh nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 ngày 06/05/2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TC-KT, Trưởng khoa Y học môi trường biển Viện Y học biển;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán điều chỉnh nhiệm vụ Bộ Y tế giao lĩnh vực quản lý môi trường y tế từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 gồm 5 nội dung sau (dự toán chi tiết tại phụ lục đính kèm):

1.1. Hội thảo nâng cao năng lực công tác tổ chức y tế của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh tế biển.

1.2. Hội thảo nâng cao kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên vận tải viễn dương Việt Nam

1.3. Khảo sát, đánh giá thực trạng và xây dựng hướng dẫn, lồng ghép các chỉ tiêu khám phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kì hàng năm cho đối tượng ngư dân đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng.

1.4. Xây dựng hướng dẫn chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao sức khỏe cho người lao động nữ làm việc tại ngành kinh tế biển

1.5. Khảo sát và đánh giá môi trường lao động, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho ngư dân trên các tàu đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng và công nhân các trạm đèn biển, luồng của xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ.

Tổng dự toán sau điều chỉnh: 1.696.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng

Nguồn ngân sách: Chi không thường xuyên năm 2025

Điều 2. Giao cho Khoa Y học môi trường biển, Khoa Khám bệnh, Khoa Sản Nhi, Khoa Dược, Trung tâm Đào tạo Y học biển, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Tổ chức cán bộ hành chính và phòng Tài chính - Kế toán hoàn thiện các thủ tục tổ chức triển khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng Khoa Y học môi trường biển, Khoa Khám bệnh, Khoa Sản Nhi, Khoa Dược, Trung tâm Đào tạo Y học biển, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Tổ chức cán bộ hành chính và phòng Tài chính - Kế toán, các phòng ban và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT.

VIỆN TRƯỞNG



**VIỆN
Y HỌC BIỂN**

PGS.TS Trần Thị Quỳnh Chi

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN
LĨNH VỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ NĂM 2025

Stt	Nội dung	Số tiền trước khi điều chỉnh	Số tiền điều chỉnh	Số tiền sau khi điều chỉnh	Ghi chú
1	Nội dung 1. Hội thảo nâng cao năng lực công tác tổ chức y tế của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh tế biển	272.220.000	9.220.000	281.440.000	Điều chỉnh tăng tiền nước uống học viên, phụ cấp lưu trú, tiền nghỉ khoán theo thông tư 12/2025/TT-BTC
2	Nội dung 2: Hội thảo nâng cao kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên vận tải viễn dương Việt Nam	155.240.000	26.320.000	181.560.000	Điều chỉnh tăng tiền nước uống học viên, phụ cấp lưu trú, tiền nghỉ khoán theo thông tư 12/2025/TT-BTC
3	Nội dung 03: Khảo sát, đánh giá thực trạng và xây dựng hướng dẫn, lồng ghép các chỉ tiêu khám phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kì hàng năm cho đối tượng ngư dân đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng.	801.340.200	(110.790.200)	690.550.000	Giảm tiền KSK, xét nghiệm do mua vật tư hóa chất, tăng tiền phụ cấp lưu trú, tiền nghỉ khoán theo thông tư 12/2025/TT-BTC
4	Nội dung 04: Xây dựng hướng dẫn chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao sức khỏe cho người lao động nữ làm việc tại ngành kinh tế biển	54.250.000	3.990.000	58.240.000	Điều chỉnh tăng tiền nước uống học viên, phụ cấp lưu trú, tiền nghỉ khoán theo thông tư 12/2025/TT-BTC
5	Nội dung 05: Khảo sát và đánh giá môi trường lao động, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho ngư dân trên các tàu đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng và công nhân các trạm đèn biển, luồng của xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ.	516.949.800	(32.739.800)	484.210.000	Tăng tiền phụ cấp lưu trú, tiền nghỉ khoán theo thông tư 12/2025/TT-BTC
	Tổng cộng:	1.800.000.000	(104.000.000)	1.696.000.000	-

Bảng chữ: Một tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng


PGS.TS. Trần Thị Quỳnh Chi

Nội dung 1. Các Hội thảo nâng cao năng lực công tác tổ chức y tế của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh tế biển

Đơn vị tính: đồng VN

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày, đêm	Mức chi	Tổng chi	Ghi chú
I	Các Hội thảo nâng cao năng lực công tác tổ chức y tế của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh tế biển					281.440.000	
1	Hội thảo tại Hải Phòng					35.460.000	-
	<i>Báo cáo viên</i>	<i>Người</i>	10	1	350.000	3.500.000	Kế hoạch tổ chức hội thảo chi tiết, danh sách ký BTC
	<i>Chủ trì</i>	<i>Người</i>	1	1	500.000	500.000	
	<i>Thư ký</i>	<i>Người</i>	1	1	300.000	300.000	
	<i>Thuê hội trường, khánh tiết</i>	<i>1 hội trường/ngày</i>	1	1	15.000.000	15.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn, danh sách học viên ký 2 bản
	<i>Nước uống</i>	<i>người</i>	62	1	100.000	6.200.000	
	<i>Công tác phí</i>	<i>Người</i>	10	1	100.000	1.000.000	Giấy đi đường
	<i>Thuê xe 16 chỗ</i>	<i>Xe</i>	1	1	3.000.000	3.000.000	Hóa đơn
	<i>In ấn tài liệu</i>	<i>bộ</i>	62		50.000	3.100.000	Hóa đơn
	<i>Văn phòng phẩm</i>	<i>bộ</i>	62		30.000	1.860.000	Hóa đơn Mua Bút bi, sổ tay nhỏ, túi cùc
	<i>Chi khác</i>					1.000.000	
2	Hội thảo tại Đà Nẵng					122.140.000	
	<i>Báo cáo viên</i>	<i>Người</i>	10	1	350.000	3.500.000	Kế hoạch tổ chức hội thảo chi tiết, danh sách ký BTC
	<i>Chủ trì</i>	<i>Người</i>	1	1	500.000	500.000	
	<i>Thư ký</i>	<i>Người</i>	1	1	300.000	300.000	
	<i>Thuê hội trường, khánh tiết</i>	<i>1 hội trường/ngày</i>	1	1	15.000.000	15.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn, danh sách học viên ký 2 bản
	<i>Nước uống học viên:</i>	<i>người</i>	62	1	100.000	6.200.000	
	<i>Phụ cấp lưu trú</i>	<i>Người</i>	10	3	300.000	9.000.000	Giấy đi đường
	<i>Phòng nghỉ khoán</i>	<i>Người</i>	1	2	800.000	1.600.000	
	<i>Phòng nghỉ khoán</i>	<i>Người</i>	9	2	600.000	10.800.000	Giấy thanh toán tiền nghỉ khoán
	<i>Vé máy bay</i>	<i>Người</i>	10	1	5.978.000	59.780.000	Quyết định cử đi công tác, hóa đơn vé máy bay, thẻ lên máy bay

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày, đêm	Mức chi	Tổng chi	Ghi chú
	Thuê xe 16 chỗ	ngày	1	3	3.500.000	10.500.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
	In ấn tài liệu	bộ	62		50.000	3.100.000	Hóa đơn
	Văn phòng phẩm	bộ	62		30.000	1.860.000	Hóa đơn Mua Bút bi, sổ tay nhỏ, túi cúc
3	Hội thảo tại Vũng Tàu					123.840.000	
	Báo cáo viên	Người	10	1	350.000	3.500.000	Kế hoạch tổ chức hội thảo chi tiết, danh sách ký BTC
	Chủ trì	Người	1	1	500.000	500.000	
	Thư ký	Người	1	1	300.000	300.000	
	Thuê hội trường, khánh tiết	1 hội trường/ngày	1	1	15.000.000	15.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn, danh sách học viên ký 2 bản
	Nước uống học viên	người/ngày	62	1	100.000	6.200.000	
	Phụ cấp lưu trú	Người	10	2	300.000	6.000.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ khoán	Người	1	1	600.000	600.000	
	Phòng nghỉ khoán	Người	9	1	500.000	4.500.000	Giấy thanh toán tiền nghỉ khoán
	Vé máy bay HP -HCM- HP	Người	10	1	6.878.000	68.780.000	Quyết định cử đi công tác, hóa đơn vé máy bay, thẻ lên máy bay
	Thuê xe 16 chỗ	ngày	1	1	3.500.000	3.500.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
	Thuê xe 16 chỗ chở đoàn từ HCM - Vũng tàu -HCM và đi lại tại Vũng tàu	ngày	2		4.500.000	9.000.000	
	In ấn tài liệu	bộ	62		50.000	3.100.000	Hóa đơn
	Văn phòng phẩm	bộ	62		30.000	1.860.000	Hóa đơn Mua Bút bi, sổ tay nhỏ, túi cúc
	Chi khác					1.000.000	
	Tổng cộng:					281.440.000	

Nội dung 2: Hội thảo nâng cao kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên vận tải biển dương Việt Nam

Đơn vị tính: đồng VN

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày, đêm	Mức chi	Tổng chi	Ghi chú
1	Hội thảo truyền thông nâng cao kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên vận tải biển dương Việt Nam						
	Tại Hải Phòng	hội thảo	4		45.390.000	181.560.000	QĐ Bộ y tế giao 4 hội thảo Tại HP
	1 Hội thảo					45.390.000	
1,1	Báo cáo viên	Người	3	1	350.000	1.050.000	Kế hoạch tổ chức hội thảo chi tiết, danh sách ký BTC
1,2	Chủ trì	Người	1	1	500.000	500.000	
1,3	Thư ký	Người	1	1	300.000	300.000	
1,4	Đại biểu tham dự	Người	8	1	150.000	1.200.000	
1,5	Thuê hội trường, khánh tiết	1 hội trường/ngày	1	1	15.000.000	15.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn, danh sách thuyền viên ký 2 bản
1,6	Nước uống	người/ngày	93	1	100.000	9.300.000	
1,7	Công tác phí	Người	13	2	100.000	2.600.000	Giấy đi đường
1,8	Thuê xe 16 chỗ	Ngày		2	3.500.000	7.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
1,9	In ấn tài liệu	bộ	93		50.000	4.650.000	Hóa đơn
1,10	Văn phòng phẩm	bộ	93		30.000	2.790.000	Hóa đơn Mua Bút bi, sổ tay nhỏ, túi cút
2	Chi phí khác					1.000.000	
	Tổng cộng:					181.560.000	

Nội dung 03: Khảo sát, đánh giá thực trạng và xây dựng hướng dẫn, lồng ghép các chỉ tiêu khám phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho đối tượng ngư dân đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng.

Đơn vị tính: đồng VN

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày, đêm	Mức chi	Tổng chi	Ghi chú
I	Xây dựng đề cương					2.000.000	
	Xây dựng đề cương chi tiết	Bộ	1		2.000.000	2.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
II	Họp hội đồng xét duyệt đề cương và bộ công cụ thu thập số liệu					1.950.000	
	Chủ tịch	Người	1		500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
	Thư ký	Người	1		300.000	300.000	
	Thành viên	Người	3		300.000	900.000	
	Nước uống	Người	5		50.000	250.000	Hóa đơn
III	Xây dựng công cụ thu nhập số liệu	phiếu	2		500.000	1.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
IV	Khám sức khỏe để đánh giá thực trạng một số bệnh không lây nhiễm ở ngư dân đánh bắt cá xa bờ	Người				592.708.550	
1	KSK cho ngư dân tại cảng cá Trân Châu - Huyện đảo Cát Hải					207.388.000	
	Vật tư hóa chất khám, xét nghiệm	Người	350			145.388.000	Danh sách ngư dân
	Công tác phí	Người	20	3	400.000	24.000.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ	Người	20	2	600.000	24.000.000	Giấy thanh toán tiền nghỉ khoán
	Thuê xe 29 chỗ	Ngày		3	4.000.000	12.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
	Chi khác: in phong chữ, biển chỉ dẫn			1	2.000.000	2.000.000	Hóa đơn
2	KSK cho ngư dân tại cảng cá Ngọc Hải - Quận Đồ Sơn					193.888.000	
	Vật tư hóa chất khám, xét nghiệm	Người	350			145.388.000	Danh sách ngư dân
	Công tác phí	Người	20	3	200.000	12.000.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ	Người	20	2	600.000	24.000.000	
	Thuê xe 29 chỗ	Ngày		3	3.500.000	10.500.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
	Chi khác: in phong chữ, biển chỉ dẫn			1	2.000.000	2.000.000	Hóa đơn
3	KSK cho ngư dân tại cảng cá Tây Nam Bạch Long Vỹ					191.432.550	
	Vật tư hóa chất khám, xét nghiệm	Người	184			76.432.550	Danh sách ngư dân

	Công tác phí	Người	20	3	400.000	24.000.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ	Người	20	2	600.000	24.000.000	Giấy thanh toán tiền nghỉ khoán
	Thuê xe 29 chỗ	chuyên	2		2.500.000	5.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
	Vé tàu	Người	20		3.000.000	60.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
	Chi khác: in phong chữ, biển chỉ dẫn			1	2.000.000	2.000.000	Hóa đơn
V	Báo cáo đánh giá thực trạng bệnh không lây nhiễm ở đối tượng người ngư dân đánh bắt cá xa bờ	báo cáo	1		5.000.000	5.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
VI	Hợp hội đồng thông qua báo cáo đánh giá					1.950.000	
	Chủ tịch	Người	1		500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
	Thư ký	Người	1		300.000	300.000	
	Thành viên	Người	3		300.000	900.000	
	Nước uống	Người	5	1	50.000	250.000	Hóa đơn
VII	Xây dựng quy trình quản lý sức khỏe định kỳ cho đối tượng ngư dân				20.000.000	20.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
VIII	Hợp hội đồng thông qua quy trình quản lý sức khỏe định kỳ cho đối tượng ngư dân					1.950.000	
	Chủ tịch	Người	1		500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
	Thư ký	Người	1		300.000	300.000	
	Thành viên	Người	3		300.000	900.000	
	Nước uống	Người	5	1	50.000	250.000	Hóa đơn
IX	Xây dựng hướng dẫn về việc lồng ghép các chỉ tiêu nhằm phát hiện sớm các bệnh lý không lây nhiễm ở người lao động biển	Bộ	1		20.000.000	20.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
X	Hợp hội đồng thông qua hướng dẫn					1.950.000	
	Chủ tịch	Người	1		500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
	Thư ký	Người	1		300.000	300.000	
	Thành viên	Người	3		300.000	900.000	
	Nước uống	Người	5	1	50.000	250.000	Hóa đơn
VIII	Chi phí dự phòng					42.041.450	
	Tổng cộng:					690.550.000	

Nội dung 4: Xây dựng hướng dẫn chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao sức khỏe cho người lao động nữ làm việc tại ngành kinh tế biển

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Ngày	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Xây dựng hướng dẫn CSSKSS và nâng cao SK cho người lao động nữ làm việc tại ngành kinh tế biển	Chuyên đề	3		5.000.000	15.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
II	Xây dựng mẫu phiếu khảo sát	Mẫu	3		500.000	1.500.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
III	Họp hội đồng xét duyệt nội dung hướng dẫn, mẫu phiếu					4.240.000	
1	Chủ tịch hội đồng	người	1	1	500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
2	Thành viên, thư ký	người	6	1	300.000	1.800.000	
3	Đại biểu tham dự	người	6	1	150.000	900.000	
4	Nước uống	người	13	1	50.000	650.000	Hóa đơn thực tế
5	Pho to tài liệu	bộ	13	1	30.000	390.000	Hóa đơn thực tế
IV	Hội thảo nâng cao năng lực chăm sóc SK người lao động nữ làm việc trong ngành kinh tế biển tại Hải Phòng (50 lao động nữ)					37.500.000	Kế hoạch tổ chức hội thảo chi tiết
1	Chủ trì	Người	1	1	500.000	500.000	Danh sách ký
2	Thư ký	người	1	1	300.000	300.000	
3	Đại biểu tham dự	người	5	1	150.000	750.000	
4	Báo cáo viên	người	3		350.000	1.050.000	Danh sách báo cáo viên
5	Thuê hội trường, khánh tiết	ngày	1		15.000.000	15.000.000	Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý, hóa đơn
6	Nước uống	người/ngày	60	1	100.000	6.000.000	Danh sách khách mời tham dự HT ký 2 bản
7	Photo, in ấn tài liệu	bộ	60		30.000	1.800.000	Hóa đơn thực tế
8	In tờ rơi	tờ	100		4.000	400.000	Hóa đơn thực tế
9	In áp phích tuyên truyền	cái	5		200.000	1.000.000	Hóa đơn thực tế

10	In phiếu khảo sát	Bộ	50		4.000	200.000	Hóa đơn thực tế
11	Văn phòng phẩm	Bộ	50		30.000	1.500.000	Hóa đơn Mua Bút bi, sổ tay nhỏ, túi cục
12	Phụ cấp lưu trú	Người	10	2	100.000	2.000.000	Giấy đi đường
13	Thuê xe 16 chỗ	ngày	2		3.500.000	7.000.000	Hóa đơn thực tế
	Tổng					58.240.000	

Nội dung 05: Khảo sát và đánh giá môi trường lao động, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho ngư dân trên các tàu đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng và công nhân các trạm đèn biển, luồng của xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ.

Đơn vị tính: đồng VN

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày, đêm	Mức chi	Tổng chi	Ghi chú
I	Xây dựng đề cương					2.000.000	
	Xây dựng đề cương chi tiết	Bộ	1		2.000.000	2.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
II	Hợp hội đồng xét duyệt đề cương, công cụ thu nhập số liệu					3.650.000	
	Chủ tịch	Người	1		500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
	Thư ký	Người	1		300.000	300.000	
	Thành viên	Người	5		300.000	1.500.000	
	Đại biểu	Người	5		150.000	750.000	
	Nước uống	Người	12		50.000	600.000	Hóa đơn
III	Xây dựng công cụ thu nhập số liệu	phiếu	2		500.000	1.000.000	
IV	Công tác phí đoàn quan trắc và lấy mẫu nước sinh hoạt tại các trạm và luồng của xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ					63.490.000	
1	Trạm đèn biển Ba Lạt và Trạm quản lý luồng Diêm Điền, Thái Bình						
	Công tác phí	Người	3	1	150.000	450.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.500.000	2.500.000	
2	Trạm luồng Sông Chanh Quảng Ninh						
	Công tác phí	Người	3	1	150.000	450.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.500.000	2.500.000	
3	Trạm quản lý luồng Phà Rừng và trạm quản lý luồng Vật Cách tại Hải Phòng						
	Công tác phí	Người	3	1	100.000	300.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.000.000	2.000.000	
4	Trạm đèn biển Đảo Long Châu - Hải Phòng						

	Công tác phí	Người	3	1	400.000	1.200.000	Giấy đi đường
	Vé tàu	Người	3	2	300.000	1.800.000	
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.000.000	2.000.000	
5	Trạm đèn biển đảo Hòn Dấu						
	Công tác phí	Người	3	1	400.000	1.200.000	Giấy đi đường
	Vé tàu	Người	6	1	90.000	540.000	
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.000.000	2.000.000	
6	Trạm đèn biển Đảo Trần - Quảng Ninh						
	Công tác phí	Người	3	2	400.000	2.400.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ		3	1	500.000	1.500.000	Giấy nghỉ khoán
	Vé tàu	Người	3	2	300.000	1.800.000	
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.500.000	2.500.000	
7	Trạm đèn biển Đảo Hạ Mai - Quảng Ninh						
	Công tác phí	Người	3	2	400.000	2.400.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ		3	1	500.000	1.500.000	Giấy nghỉ khoán
	Vé tàu	Người	3	2	300.000	1.800.000	
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	2	2.500.000	5.000.000	
8	Trạm luồng Hòn Gai Cái Lân Quảng Ninh						
	Công tác phí	Người	3	1	150.000	450.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.500.000	2.500.000	
9	Trạm đèn biển Đảo Cô Tô - Quảng Ninh					-	
	Công tác phí	Người	3	2	400.000	2.400.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ		3	1	500.000	1.500.000	Giấy nghỉ khoán
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	2	3.000.000	6.000.000	
	Vé tàu	Người	3	1	200.000	600.000	
10	Trạm đèn biển Vĩnh Thục và trạm quản lý luồng Vạn Gia, Đảo Vĩnh Thục, Móng Cái, Quảng Ninh						
	Công tác phí	Người	3	2	400.000	2.400.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ		3	1	500.000	1.500.000	Giấy nghỉ khoán
	Vé tàu	Người	2	1	50.000	100.000	
	Chi phí đi lại từ bến tàu - trạm - bến	Người	3	2	100.000	600.000	

	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	2	2.500.000	5.000.000	
11	Trạm quản lý luồng Sông Cấm và trạm quản lý luồng Bạch Đằng tại Hải Phòng						
	Công tác phí	Người	3	1	100.000	300.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ	Xe	1	1	2.000.000	2.000.000	
12	Trạm quản lý luồng Nam Triệu, trạm quản lý luồng Lạch Huyện và trạm quản lý luồng Kênh Hà Nam tại Hải Phòng						
	Công tác phí	Người	3	1	100.000	300.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô	Xe	1	1	2.000.000	2.000.000	
13	Trạm đèn biển Đảo Bạch Long Vỹ					-	
	Công tác phí	Người	5	3			Đã tính ở mục V.3
	Phòng nghỉ	Người	5	2			
	Vé tàu	Vé	5				
V	Công tác phí đoàn quan trắc và lấy mẫu nước sinh hoạt tại các tàu đánh cá của ngư dân tại Hải Phòng 100 tàu					81.000.000	
1	Tại Cảng cá Trân Châu - Huyện đảo Cát Hải						
	Công tác phí	Người	10	3	400.000	12.000.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ	Người	10	2	600.000	12.000.000	Giấy nghỉ khoán
2	Tại Cảng cá Ngọc Hải - Quận Đồ Sơn						
	Công tác phí	Người	10	3	100.000	3.000.000	Giấy đi đường
	Thuê xe ô tô	Người					Đã tính ở nhiệm vụ 3
3	Tại Cảng Tây Nam Bạch Long Vỹ						
	Công tác phí	Người	10	3	400.000	12.000.000	Giấy đi đường
	Phòng nghỉ	Người	10	2	600.000	12.000.000	Giấy nghỉ khoán
	Vé tàu	Người	10		3.000.000	30.000.000	Hóa đơn
VI	Khảo sát và đánh giá môi trường lao động ngư dân trên các tàu đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng và công nhân các trạm đèn biển, luồng của xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ.	Bộ	100			213.160.000	Theo TT240/2016TT-BTC

1	Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	Mẫu	100		56.000	5.600.000	
2	Bức xạ nhiệt	Mẫu	100		56.000	5.600.000	
3	Đo ánh sáng	Mẫu	100		18.000	1.800.000	
4	Ồn phân tích theo dải tần	Mẫu	100		84.000	8.400.000	
5	Đo rung động tần số cao	Mẫu	100		70.000	7.000.000	
6	Điện từ trường tần số cao	Mẫu	100		97.200	9.720.000	thuê ngoài, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn
7	Hơi khí độc CO2	Mẫu	100		151.200	15.120.000	thuê ngoài, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn
8	Hơi khí độc CO	Mẫu	100		151.200	15.120.000	thuê ngoài, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn
9	Hơi dung môi hữu cơ Benzen	Mẫu	100		350.000	35.000.000	
10	Hơi dung môi hữu cơ xăng	Mẫu	100		378.000	37.800.000	thuê ngoài, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn
	Nhân công thuê ngoài					2.000.000	thuê ngoài, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn
	Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic					-	
11	Đánh giá gánh nặng chịu tải cơ bắp	Mẫu	100		140.000	14.000.000	
12	Đánh giá chế độ lao động nghỉ ngơi	Mẫu	100		140.000	14.000.000	
13	Đánh giá mức độ trách nhiệm với công việc	Mẫu	100		140.000	14.000.000	
	Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp					-	
14	Đánh giá yếu tố ẩm ướt trong môi trường làm việc	Mẫu	100		140.000	14.000.000	
15	Đánh giá vi sinh vật gây hại	Mẫu	100		140.000	14.000.000	
VII	Khảo sát và đánh giá chất lượng nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt cho ngư dân trên các tàu đánh bắt cá xa bờ tại Hải Phòng và công nhân các trạm đèn biển, luồng cửa xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ.	Mẫu	100		912.600	91.260.000	thuê ngoài, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn

1	Coliform tổng số	Mẫu	100		162.000	16.200.000	
2	Ecoli	Mẫu	100		162.000	16.200.000	
3	Asen (Arsenic)	Mẫu	100		162.000	16.200.000	
4	Clo dư tự do	Mẫu	100		75.600	7.560.000	
5	độ đục	Mẫu	100		54.000	5.400.000	
6	màu sắc	Mẫu	100		54.000	5.400.000	
7	mùi vị	Mẫu	100		11.880	1.188.000	
8	pH	Mẫu	100		54.000	5.400.000	
9	Permanganat	Mẫu	100		86.400	8.640.000	
10	amoni (NH3, NH4 tính theo N)	Mẫu	100		90.720	9.072.000	
V	Báo cáo thực trạng môi trường lao động và chất lượng nước cho mục đích sinh hoạt cho ngư dân trên các tàu đánh bắt cá tại Hải Phòng và công nhân các trạm đèn biển, luồng cửa xí nghiệp bảo đảm hàng hải Đông Bắc Bộ	Bộ			5.000.000	5.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
VI	Xây dựng hướng dẫn giải pháp cải thiện chất lượng môi trường làm việc và quy trình lưu chứa, khâu rửa dụng cụ lưu chứa nước sinh hoạt cho người lao động biển.				20.000.000	20.000.000	Giấy giao việc, hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý
VII	Hợp thông qua hướng dẫn					3.650.000	
	Chủ trì	Người	1		500.000	500.000	Quyết định thành lập HĐ, Biên bản họp, danh sách họp, quyết định phê duyệt nội dung
	Thư ký	Người	1		300.000	300.000	
	Thành viên	Người	5		300.000	1.500.000	
	Đại biểu	người	5		150.000	750.000	
	Nước uống	Người	12	1	50.000	600.000	Hóa đơn
VIII	Chi phí dự phòng					-	
	Tổng cộng:					484.210.000	